

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU IDICO**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đồng Nai - Tháng 3 năm 2022

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán tổng hợp	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	8
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp	9 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vật liệu IDICO trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vật liệu IDICO (gọi tắt là “ Công ty”) được thành lập từ việc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước - Đơn vị thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên (nay là Tổng Công ty IDICO-CTCP) theo Quyết định số 1021/QĐ-BXD ngày 25/6/2004 của Bộ trưởng Bộ Xây Dựng, hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần với mã số doanh nghiệp là 3600687943 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 04/8/2004, thay đổi lần thứ 18 vào ngày 09/9/2017.

Vốn điều lệ theo Giấy đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 18 ngày 09/9/2017 là: 35.000.000.000 VND (Bằng chữ: Ba mươi lăm tỷ đồng), được chia thành 3.500.000 cổ phần (mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 VND).

Tên Công ty bằng tiếng nước ngoài: IDICO MATERIAL DEVELOPMENT AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: IDICO-MCI.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên thị trường UpCOM với mã giao dịch là MCI.

Trụ sở chính của Công ty tại: Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông Phan Văn Chung	Chủ tịch HĐQT
	Ông Trần Huy Hùng	Thành viên
	Ông Vũ Đình Thắng	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 22/12/2021)
	Ông Mai Quốc Chinh	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 22/12/2021)
	Ông Mai Xuân Ngợi	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 22/12/2021)
	Ông Hoàng Tuấn Anh	Thành viên (Bầu từ ngày 22/12/2021)
Ban Kiểm soát	Ông Nguyễn Đức Tiến	Trưởng ban kiểm soát
	Ông Trần Nguyễn Anh Đức	Thành viên
	Ông Bùi Đức Minh	Thành viên
Ban Giám đốc	Ông Trần Huy Hùng	Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trần Huy Hùng
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Số: 104/2022/BCKT-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
 Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc
 Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vật liệu IDICO

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vật liệu IDICO, được lập ngày 30/3/2022, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng Cân đối Kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, chúng tôi chưa thu thập được các Biên bản xác nhận nợ phải thu khách hàng tại ngày 31/12/2021 là 14.026.153.884 VND (tại ngày 31/12/2020 là 19.714.374.919 VND), trả trước cho người bán với số tiền là 860.018.500 VND (tại ngày 31/12/2020 là 2.708.496.712 VND), các khoản phải thu khác với số tiền là 3.468.662.118 VND (tại ngày 31/12/2020 là 3.748.521.059 VND), phải trả người bán với số tiền 18.668.016.264 VND (tại ngày 31/12/2020 là 8.689.725.063 VND), người mua trả tiền trước với số tiền 609.813.935 VND (tại ngày 31/12/2020 là 609.813.935 VND) và các khoản phải trả, phải nộp khác với số tiền 1.558.449.239 VND (tại ngày 31/12/2020 là 1.794.588.162 VND). Các thủ tục kiểm toán thay thế khác chưa đem lại cho chúng tôi bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp liên quan đến các khoản công nợ nêu trên. Theo đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các khoản mục nêu trên đang được trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo hay không.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, Công ty chưa thực hiện kết chuyển đầy đủ chi phí quản lý năm trong khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang vào kết quả kinh doanh với số tiền là 5.741.145.414 VND (tại ngày 31/12/2020 là 5.741.145.414 VND). Theo đó, khoản mục “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang” và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2021 đang được trình bày cao hơn với số tiền tương ứng 5.741.145.414 VND.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh 4 Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp. Công ty đang chịu một khoản lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2021 là 81.078.662.594 VND, dẫn đến thâm hụt vốn chủ sở hữu là 43.137.093.331 VND. Các khoản nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn 50.863.265.945 VND, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong năm âm 1.118.715.578 VND. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào sự hỗ trợ tài chính từ của Công ty mẹ và hiệu quả hoạt động kinh doanh trong tương lai. Những điều kiện này cho thấy việc tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Từ chối đưa ra ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề trên.

Các vấn đề khác

Báo cáo kiểm toán cho Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 trình bày ý kiến từ chối liên quan đến:

- (i) Công ty chưa thực hiện đánh giá khả năng thu hồi của các khoản công nợ đã quá hạn với giá trị 8.137.570.054 VND để trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi. Kiểm toán viên đánh giá vấn đề này không còn ảnh hưởng do Công ty đã trích lập dự phòng trong năm 2021.
- (ii) Công ty chưa thực hiện kết chuyển đầy đủ chi phí đối với khoản chi phí trả trước dài hạn với số tiền là 2.025.341.809 VND. Kiểm toán viên đánh giá vấn đề này không còn ảnh hưởng do Công ty đã kết chuyển đầy đủ trong năm 2021.



Lưu Minh Tới
Phó Giám đốc Phụ trách Chi nhánh TP.HCM
 Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3920-2022-137-1

Giấy Ủy quyền số: 06/2022/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2022 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc
 Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT
Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Nguyễn Khánh Minh
Kiểm toán viên
 Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4484-2018-137-1

19
 TY
 H
 A
 N
 O
 I

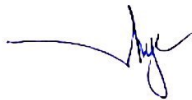
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		4.337.412.850	26.438.567.641
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	117.252.397	35.014.301
1. Tiền	111		117.252.397	35.014.301
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.864.101.082	26.187.619.536
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	15.536.638.756	22.058.718.638
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	1.269.516.776	2.708.496.712
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	3.468.662.118	3.748.521.059
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.5	(16.410.716.568)	(7.825.772.674)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.6	-	5.497.655.801
IV- Hàng tồn kho	140	5.7	352.682.934	212.557.367
1. Hàng tồn kho	141		579.894.637	439.769.070
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(227.211.703)	(227.211.703)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		3.376.437	3.376.437
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.13	3.376.437	3.376.437
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		10.139.544.886	12.691.518.062
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		3.821.947.492	4.858.689.713
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	3.649.777.802	4.678.715.493
- Nguyên giá	222		27.188.873.391	27.188.873.391
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(23.539.095.589)	(22.510.157.898)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	172.169.690	179.974.220
- Nguyên giá	228		442.147.508	442.147.508
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(269.977.818)	(262.173.288)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		5.741.145.414	5.741.145.414
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	5.741.145.414	5.741.145.414
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI Tài sản dài hạn khác	260		576.451.980	2.091.682.935
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	576.451.980	2.091.682.935
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		14.476.957.736	39.130.085.703

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		57.614.051.067	55.921.879.525
I- Nợ ngắn hạn	310		55.200.678.795	52.075.365.941
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	22.477.944.678	22.149.593.038
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		609.813.935	609.813.935
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	1.517.162.840	1.554.327.617
4. Phải trả người lao động	314		157.690.801	158.849.123
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	-	90.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	5.638.066.541	3.913.501.603
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	24.800.000.000	23.599.280.625
II- Nợ dài hạn	330		2.413.372.272	3.846.513.584
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	5.14	213.372.272	1.146.513.584
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.15	2.200.000.000	2.700.000.000
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		(43.137.093.331)	(16.791.793.822)
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.17	(43.137.093.331)	(16.791.793.822)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		35.000.000.000	35.000.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		35.000.000.000	35.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.941.569.263	2.941.569.263
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(81.078.662.594)	(54.733.363.085)
- <i>LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước</i>	421a		(54.733.363.085)	(53.144.935.246)
- <i>LNST chưa phân phối kì này</i>	421b		(26.345.299.509)	(1.588.427.839)
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		14.476.957.736	39.130.085.703

Người lập biểu



Chu Thị Thanh Nga

Kế toán trưởng



Mai Xuân Ngợi

Đồng Nai, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Giám đốc



Trần Huy Hùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	4.895.043.950	21.718.810.075
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		443.017.754	30.899.182
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	4.452.026.196	21.687.910.893
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	6.182.835.798	16.135.436.483
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		(1.730.809.602)	5.552.474.410
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	234.299	609.833
7. Chi phí tài chính	22	6.4	2.040.296.145	1.939.898.946
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>2.040.296.145</i>	<i>1.939.898.946</i>
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	224.810.412	280.680.131
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	12.736.123.729	4.389.528.471
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		(16.731.805.589)	(1.057.023.305)
11. Thu nhập khác	31	6.7	3.396.685	-
12. Chi phí khác	32	6.7	9.616.890.605	531.404.534
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(9.613.493.920)	(531.404.534)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		(26.345.299.509)	(1.588.427.839)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(26.345.299.509)	(1.588.427.839)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	(7.527)	(454)

Người lập biểu

Chu Thị Thanh Nga

Kế toán trưởng

Mai Xuân Ngợi

Đồng Nai, ngày 30 tháng 3 năm 2022
Giám đốc



Trần Huy Hùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho tài chính kết thúc ngày 31/12/2021


CHỈ TIÊU	MS	Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(26.345.299.509)	(1.588.427.839)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	1.036.742.221	1.054.191.015
- Các khoản dự phòng	03	8.584.943.894	-
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(234.299)	(609.833)
- Chi phí lãi vay	06	2.040.296.145	1.939.898.946
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	(14.683.551.548)	1.405.052.289
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	13.738.574.560	1.870.028.793
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(140.125.567)	(98.958.408)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.067.065.445)	(2.923.149.908)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.515.230.955	(34.860.506)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(481.778.533)	(1.673.998.502)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.118.715.578)	(1.455.886.242)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(242.435.862)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	234.299	609.833
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	234.299	(241.826.029)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	21.200.000.000	19.213.012.127
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(19.999.280.625)	(18.571.950.717)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.200.719.375	641.061.410
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	82.238.096	(1.056.650.861)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	35.014.301	1.091.665.162
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	117.252.397	35.014.301

Người lập biểu



Chu Thị Thanh Nga

Kế toán trưởng



Mai Xuân Ngợi

Đồng Nai, ngày 30 tháng 3 năm 2022



Trần Huy Hùng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và phát triển vật liệu IDICO được thành lập từ việc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước - Đơn vị thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên (nay là Tổng công ty IDICO - CTCP) theo Quyết định số 1021/QĐ-BXD ngày 25/6/2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần với mã số doanh nghiệp là 3600687943 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 04/8/2004, thay đổi lần thứ 18 vào ngày 09/9/2017.

Vốn điều lệ theo Giấy đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 18 ngày 09/9/2017 là: 35.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Ba mươi lăm tỷ đồng*), được chia thành 3.500.000 cổ phần (mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 VND).

Tên Công ty bằng tiếng nước ngoài: IDICO MATERIAL DEVELOPMENT AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: IDICO - MCI.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên thị trường UPCOM với mã giao dịch là MCI.

Trụ sở chính của Công ty tại: Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Số lao động của Công ty tại ngày 31/12/2021 là: 18 người (Tại ngày 31/12/2020 là: 18 người).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh theo giấy phép đăng ký kinh doanh của Công ty:

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét: Sản xuất gạch, ngói, vật liệu trang trí nội, ngoại thất;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét: Khai thác đá, cát, sỏi, chế biến đá;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao: Sản xuất phụ gia cho sản xuất xi măng;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại: Gia công cơ khí;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Cho thuê xe máy, thuê thiết bị;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị khác trong xây dựng: Kinh doanh thiết bị xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; kinh doanh bất động sản, đầu tư phát triển kinh doanh nhà, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, cho thuê văn phòng, kinh doanh nhà ở;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan: Bán buôn xăng, dầu, nhớt;
- Bán lẻ nhiên liệu, động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động tư vấn quản lý: Tư vấn đầu tư xây dựng (trừ tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, tư vấn thiết kế, khảo sát, giám sát xây dựng);
- Xây dựng nhà các loại: Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị và khu công nghiệp;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình giao thông;
- Xây dựng công trình công ích: Xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, cấp thoát nước, đường dây và trạm, biến áp điện;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác: Sản xuất đồ gốm sứ.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Kinh doanh xăng dầu, vật liệu xây dựng và dịch vụ khác.

1.3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp

Từ đầu năm 2021, đại dịch COVID-19 có những ảnh hưởng gần như toàn bộ tới nền kinh tế Việt Nam. So với cùng kỳ năm trước thì doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021 của Công ty giảm. Trong bối cảnh hoạt động sản xuất, kinh doanh chịu nhiều tác động do dịch COVID-19, Chính phủ đã và đang có nhiều chính sách nhằm hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn. Công ty thuộc diện được gia hạn nộp thuế GTGT, TNDN và tiền thuê đất trong năm 2021 theo Nghị định số 52/NĐ/2021/NĐ-CP ngày 19/4/2021 của Chính Phủ.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

<u>Tên chi nhánh</u>	<u>Hoạt động chính</u>	<u>Địa chỉ</u>
Xí nghiệp Xây dựng Thủy lợi Thủy điện	Xây lắp dân dụng	Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 1, Xã Phước Thiện, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai
Xí nghiệp Xây dựng số 1	Xây lắp dân dụng	Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 1, Xã Phước Thiện, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai
Xí nghiệp Vật liệu xây dựng Tuy Hạ	Kinh doanh xăng dầu	Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1, Xã Phước Thiện, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính tổng hợp của Văn phòng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giả định về khả năng hoạt động liên tục

Công ty đang chịu một khoản lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2021 là 81.078.662.594 VND, dẫn đến thâm hụt vốn chủ sở hữu là 43.137.093.331 VND. Các khoản nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn 50.863.265.945 VND, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong năm âm 1.118.715.578 VND. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào sự hỗ trợ tài chính từ Công ty mẹ và vào hiệu quả hoạt động kinh doanh trong tương lai.

Tổng công ty IDICO và Ban Giám đốc Công ty đã thường xuyên đánh giá và tích cực triển khai Phương án tái cơ cấu tổng thể để Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn và tiếp tục hoạt động phát triển. Các giải pháp đã và đang thực hiện như sau:

+ Tổng công ty IDICO tiếp tục cho Công ty vay với số tiền là 21.200.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/IDICO-MCI ngày 08/02/2021 và số 04/IDICO-MCI ngày 27/5/2021.

+ Báo cáo 01/TTCC-BC ngày 05/5/2021 về Phương án tái cơ cấu tổng thể Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và phát triển Vật liệu IDICO gửi Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Tổng công ty IDICO. Các nội dung chủ yếu trong Phương án tái cơ cấu tổng thể gồm: Tổng công ty hỗ trợ về mặt nhân sự, Tổng công ty cho vay thêm 15 tỷ để trả nợ Ngân hàng 12,7 tỷ, gia tăng tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty, chuyển nhượng và thanh lý tài sản không cần dùng, phát triển dự án Mỏ sét Long An và dự án xây dựng nhà xưởng, kho bãi cho thuê tại Nhơn Trạch.

+ Nghị quyết số 19/NQ-TCT ngày 14/6/2021 của Hội đồng quản trị Tổng công ty IDICO về việc thông qua Phương án tái cơ cấu tổng thể Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và phát triển vật liệu IDICO.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Giả định về khả năng hoạt động liên tục (Tiếp theo)

Tổng công ty IDICO và Ban Giám đốc đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như khả năng cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và các khoản vay đến hạn. Tổng công ty IDICO và Ban Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Cụ thể như sau:

Loại tài sản cố định

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 20
Phương tiện vận tải	05 - 10
TSCĐ hữu hình khác	03 - 05

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất là toàn bộ chi phí Công ty thực tế đã chi ra để sở hữu quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất của Công ty đặt tại Ấp Xóm Gốc, xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Nguồn gốc sử dụng đất do Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất. Thời hạn sử dụng đất kéo dài đến ngày 15/10/2043.

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thời hạn sử dụng đất là 40 năm.

Phần mềm máy tính bao gồm phần mềm bán hàng được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí: Công cụ, dụng cụ xuất dùng; Chi phí trả trước chờ phân bổ. Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian phân bổ.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận nợ vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận nợ vay

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã xử lý lỗ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán xăng dầu, doanh thu xây lắp, doanh thu cho thuê văn phòng và doanh thu hàng hóa, dịch vụ khác.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả (04) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu là chi phí đi vay vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và các loại thuế khác

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức Pháp lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	99.525.449	13.735.575
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.726.948	21.278.726
Tổng	117.252.397	35.014.301

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thủy điện DakDrinh	7.122.922.361	7.122.922.361
Công ty Cổ phần Đầu tư Kim Trường Phát	-	5.407.208.419
Tổng công ty IDICO - CTCP	670.954.247	2.344.343.719
DNTN Phúc Đại Thành	1.806.329.985	1.190.673.182
Phải thu các khách hàng còn lại	5.936.432.163	5.993.570.957
Tổng	15.536.638.756	22.058.718.638
Trong đó: Phải thu của khách hàng là bên liên quan (Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.2)	1.510.484.872	2.822.295.742

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty Cổ phần kỹ nghệ Thiên Tân	-	1.298.744.481
Công ty TNHH XD Thương mại Dịch vụ Nghĩa Bình	409.498.276	309.498.276
Công ty Cổ phần quản lý và XD đường bộ Thừa Thiên Huế	-	298.725.455
Công ty TNHH Xây dựng địa chất khoáng sản Vĩnh An	279.000.000	279.000.000
Vũ Thanh Giang - Công ty TNHH MTV	180.000.000	180.000.000
TM & DV Vũ Gia	401.018.500	342.528.500
Các đối tượng khác	-	-
Tổng	1.269.516.776	2.708.496.712

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU IDICO

Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiện,
Huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.4 Phải thu ngắn hạn khác

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng
Tạm ứng	1.271.173.271	890.082.033	1.291.978.565	890.082.033
Phải thu khác (i)	2.197.488.847	2.019.580.390	2.456.542.494	2.080.880.726
Tổng	3.468.662.118	2.909.662.423	3.748.521.059	2.970.962.759
	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng
Đỗ Hữu Cước	1.414.000.000	1.414.000.000	1.414.000.000	1.414.000.000
Chi nhánh Công ty cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	89.000.000	89.000.000	89.000.000	89.000.000
Lê Bá Khiêm	52.781.659	52.781.659	52.781.659	52.781.659
Nguyễn Văn Ảnh	70.449.952	70.449.952	70.449.952	70.449.952
Công ty TNHH MTV Sản xuất thương mại vật tài Tiến Thành	13.544.000	13.544.000	13.544.000	13.544.000
Phải thu về BHHX, BHYT, BHTN	17.939.189	17.939.189	17.939.189	17.939.189
Các khoản khác	539.774.047	361.865.590	798.827.694	423.165.926
Tổng	2.197.488.847	2.019.580.390	2.456.542.494	2.080.880.726

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU IDICO

Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiển,
Huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.5 Nợ xấu

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Thủy điện ĐakĐrinh	7.122.922.361	-	-	-
Đỗ Hữu Cực	1.414.000.000	-	1.414.000.000	-
Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Cát Tường	901.100.912	-	901.100.912	-
Công ty cổ phần Đầu tư và xây lắp dầu khí Sài Gòn	810.510.797	-	810.510.797	-
Công ty TNHH MTV sản xuất TM VT Tiến Thành	441.488.076	-	441.488.076	-
Công ty cổ phần Xây lắp dầu khí 2	390.347.741	-	390.347.741	-
Công ty TNHH Giang An Huy	244.968.069	-	244.968.069	-
Các đối tượng khác	5.085.378.612	-	3.623.357.079	-
Tổng	16.410.716.568	-	7.825.772.674	-
Trong đó trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi				
	16.410.716.568		7.825.772.674	
	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	Từ 3 năm trở lên
Công ty Cổ phần Thủy điện ĐakĐrinh	-	-	-	7.122.922.361
Đỗ Hữu Cực	-	-	-	1.414.000.000
Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Cát Tường	-	-	-	901.100.912
Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	-	-	-	810.510.797
Công ty TNHH MTV sản xuất TM VT Tiến Thành	-	-	-	441.488.076
Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí 2	-	-	-	390.347.741
Công ty TNHH Giang An Huy	-	-	-	244.968.069
Các đối tượng khác	-	-	-	5.085.378.612
Tổng	-	-	-	16.410.716.568

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU IDICO

Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiện,
Huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.6 Tài sản thiếu chờ xử lý

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Tiền mặt	-	-	-	148.322.234
Hàng tồn kho (i)	-	-	-	5.349.333.567
Tổng	-	-	-	5.497.655.801

(i) Đây là khoản công ty đã điều chỉnh theo Biên bản kiểm tra thuế bán kiểm tra thuế ngày 01/02/2016 về việc chi phí nguyên vật liệu vượt mức tiêu hao từ năm 2010 đến năm 2014 là 2.690.811.762 VND và chênh lệch thừa thiếu kiểm kê cuối năm là 2.806.844.039 VND giá trị đang chờ xử lý (tại ngày 31/12/2020 là: 5.349.333.567 VND). Năm 2021 Công ty thực hiện theo Biên bản hợp xử lý kết quả kiểm kê số 01/BB-KK ngày 05/01/2022 của Hội đồng kiểm kê thống nhất xử lý những tài sản thiếu chờ xử lý này vào chi phí khác.

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.982.500	-	4.720.000	-
Công cụ, dụng cụ	5.600.000	5.600.000	5.600.000	5.600.000
Thành phẩm	221.611.703	221.611.703	221.611.703	221.611.703
Hàng hóa	348.700.434	-	207.837.367	-
Tổng	579.894.637	227.211.703	439.769.070	227.211.703

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU IDICO

Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiện,
Huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2021	7.923.514.049	15.509.316.947	3.723.189.304	32.853.091	27.188.873.391
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2021	7.923.514.049	15.509.316.947	3.723.189.304	32.853.091	27.188.873.391
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2021	5.703.281.084	14.024.097.628	2.749.926.095	32.853.091	22.510.157.898
Tăng trong năm	234.091.609	576.451.982	218.394.100	-	1.028.937.691
Khấu hao trong năm	234.091.609	576.451.982	218.394.100	-	1.028.937.691
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2021	5.937.372.693	14.600.549.610	2.968.320.195	32.853.091	23.539.095.589
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2021	2.220.232.965	1.485.219.319	973.263.209	-	4.678.715.493
Tại ngày 31/12/2021	1.986.141.356	908.767.337	754.869.109	-	3.649.777.802

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2021 là 0 VND (tại ngày 31/12/2020 là 1.485.219.319 VND).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 13.151.283.438 VND (tại ngày 31/12/2020 là 12.969.935.598 VND).



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại ngày 01/01/2021	338.905.900	103.241.608	442.147.508
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2021	338.905.900	103.241.608	442.147.508
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại ngày 01/01/2021	158.931.680	103.241.608	262.173.288
Tăng trong năm	7.804.530	-	7.804.530
Khấu hao trong năm	7.804.530	-	7.804.530
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2021	166.736.210	103.241.608	269.977.818
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2021	179.974.220	-	179.974.220
Tại ngày 31/12/2021	172.169.690	-	172.169.690

Nguyên giá tài sản cố định vô hình tại ngày 31/12/2021 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với số tiền là 103.241.608 VND (tại ngày 31/12/2020 là 103.241.608 VND).

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Mô sét Long An	5.741.145.414	5.741.145.414
Tổng	5.741.145.414	5.741.145.414

5.11 Chi phí trả trước

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Chi phí khấu hao Trạm nghiên Tân Cang	576.451.980	576.451.980
Bén xuất nhập vật liệu Phú Mỹ 2	-	600.650.922
Chi phí bảo hành không thu được của Chủ đầu tư	-	176.785.950
Lãi do không thu được chi phí bảo hành	-	30.053.612
Không thu hồi được khối lượng thực hiện	-	227.711.931
Lãi do không thu được chi phí bảo hành	-	27.581.607
Thuế chậm nộp	-	227.881.171
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	224.565.762
Tổng	576.451.980	2.091.682.935

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU IDICO

Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiện,
Huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 09- DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ
Công ty cổ phần Xây lắp và cơ giới số 9	10.071.954.077	10.071.954.077	10.356.003.598	10.356.003.598
Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Bảo Toàn	4.379.461.048	4.379.461.048	4.379.461.048	4.379.461.048
Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị IDICO	2.805.916.928	2.805.916.928	2.598.081.983	2.598.081.983
Công ty TNHH MTV 17	1.098.930.000	1.098.930.000	1.098.930.000	1.098.930.000
Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và KCN IDICO	990.139.014	990.139.014	489.782.394	489.782.394
Các khách hàng còn lại	3.131.543.611	3.131.543.611	3.227.334.015	3.227.334.015
Tổng	22.477.944.678	22.477.944.678	22.149.593.038	22.149.593.038
	3.809.928.414	3.809.928.414	3.101.736.849	3.101.736.849

Trong đó: Phải trả người bán là bên liên quan (Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.2)

5.13 Các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước

	01/01/2021		Số phải nộp trong năm		Số đã nộp trong năm		31/12/2021	
	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2021	Số đã nộp trong năm	31/12/2021	
Phải nộp	1.554.327.617	1.116.526.468	1.153.691.245	1.517.162.840	1.517.162.840	1.174.307.237	12.442.076	330.413.527
Thuế GTGT	1.185.225.658	1.093.806.235	1.104.724.656	1.174.307.237	1.174.307.237	-	-	3.376.437
Thuế thu nhập cá nhân	38.688.432	22.720.233	48.966.589	-	-	-	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	330.413.527	-	-	-	-	-	-	-
Phải thu	3.376.437	-	-	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	3.376.437	-	-	-	-	-	-	-

Đơn vị tính: VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.14 Chi phí phải trả

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn	-	90.000.000
Chi phí khác	-	90.000.000
b) Dài hạn	213.372.272	1.146.513.584
Đường N5 - KCN Nhơn Trạch 5	78.372.272	78.372.272
Thi công gói thầu XL03 - Mở rộng Quốc lộ 1A (Huê)	-	1.064.744.627
Chi phí khác	135.000.000	3.396.685
Tổng	213.372.272	1.236.513.584

5.15 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn	5.638.066.541	3.913.501.603
Bảo hiểm xã hội	31.594.893	8.396.211
Bảo hiểm y tế	5.245.369	22.477.745
Bảo hiểm thất nghiệp	1.165.638	9.348.112
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	345.999.738	345.999.738
Các khoản phải trả, phải nộp khác (i)	5.254.060.903	3.527.279.797
b) Dài hạn	2.200.000.000	2.700.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.200.000.000	1.700.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Kim Trường Phát	-	500.000.000
DNTN Phúc Đại Thành	1.200.000.000	1.200.000.000
Công ty TNHH Đồng Tâm 17 Miền Đông	1.000.000.000	1.000.000.000
Tổng	7.838.066.541	6.613.501.603
Trong đó: Phải trả khác là bên liên quan (Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.2)	3.299.461.949	1.732.691.635

(i) Chi tiết các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Lãi vay phải trả Tổng công ty IDICO	3.291.500.949	1.732.691.635
Công ty cổ phần Cơ giới và xây lắp số 9	1.013.626.447	1.013.626.447
Nguyễn Thị Bích Thảo	514.700.000	514.700.000
Tiền phạt chậm nộp thuế tại cục thuế Quảng Nam	26.110.457	26.110.457
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	408.123.050	240.151.258
Tổng	5.254.060.903	3.527.279.797

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.16 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai (i)	-	-	-	19.999.280.625
Tổng công ty IDICO -CTCP (ii)	24.800.000.000	24.800.000.000	21.200.000.000	-
Tổng	24.800.000.000	24.800.000.000	19.999.280.625	23.599.280.625

Trong đó, các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan

	31/12/2021(VND)		01/01/2021 (VND)	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
Vay ngắn hạn	24.800.000.000	1.558.809.314	3.600.000.000	176.028.334
Tổng công ty IDICO - CTCP	24.800.000.000	1.558.809.314	3.600.000.000	176.028.334
Tổng	24.800.000.000	1.558.809.314	3.600.000.000	176.028.334

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU IDICO

Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiện,
Huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

5.16 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(i) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Đồng Nai

Số tiền được vay:	Theo hợp đồng tín dụng số 01/2019/380625/HĐTD ký ngày 31/12/2019; Hạn mức vay là 20.000.000.000 đồng
Mục đích vay:	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh
Thời hạn vay:	Theo từng giấy đề nghị giải ngân kèm hợp đồng tín dụng cụ thể, 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.
Lãi suất vay:	Theo từng lần nhận nợ theo Giấy đề nghị giải ngân kèm hợp đồng
Hình thức đảm bảo tiền vay	Tài sản thế chấp là tài sản thuộc quyền sở hữu/ quyền sử dụng đất hợp pháp của Công ty và hàng tồn kho của Công ty.
Số dư nợ gốc vay tại ngày 31/12/2021:	0 VND

(ii) Vay Tổng công ty IDICO - CTCP

Số tiền được vay:	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 240912/IDICO-MCI và Phụ lục số 03 PLHĐ/IDICO-MCI ngày 03/10/2013, Phụ lục số 05 PLHĐ/IDICO-MCI ngày 31/10/2014, Phụ lục số 02 PLHĐ/IDICO-MCI ngày 01/02/2019 số tiền vay là: 600.000.000 đồng. Hợp đồng vay vốn số 02-2011/IDICO-MCI ngày 29/12/2011, Phụ lục số 09 PLHĐ/IDICO-MCI ngày 28/8/2012, Phụ lục số 02 PLHĐ/IDICO-MCI ngày 02/01/2013, Phụ lục số 01 PLHĐ/IDICO-MCI ngày 15/01/2020 số tiền vay là 3.000.000.000 đồng. Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/IDICO-MCI ngày 08/02/2021 số tiền vay là 7.500.000.000 đồng. Hợp đồng tín dụng hạn mức số 04/2021/IDICO-MCI ngày 27/5/2021 số tiền vay là 15.000.000.000 đồng.
Mục đích vay:	Bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh
Thời hạn vay:	Trả nợ gốc và lãi trước 12 tháng kể từ ngày giải ngân.
Lãi suất vay:	Khoản vay này chịu lãi suất bằng lãi suất kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của BIDV - CN Đồng Nai, trả lãi 01 quý/01 lần
Hình thức đảm bảo tiền vay	Tài sản thế chấp là tài sản thuộc quyền sở hữu/ quyền sử dụng đất hợp pháp của Công ty và hàng tồn kho của Công ty.
Số dư nợ gốc vay tại ngày 31/12/2021:	24.800.000.000 VND



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU IDICO

Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiện,
Huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.17 Vốn chủ sở hữu**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng	Đơn vị tính: VND
Số dư tại ngày 01/01/2020	35.000.000.000	2.941.569.263	(53.144.935.246)	(15.203.365.983)	
Tăng trong năm	-	-	-	-	
Giảm trong năm	-	-	(1.588.427.839)	(1.588.427.839)	
Lỗ trong năm trước	-	-	(1.588.427.839)	(1.588.427.839)	
Số dư tại ngày 31/12/2020	35.000.000.000	2.941.569.263	(54.733.363.085)	(16.791.793.822)	
Số dư tại ngày 01/01/2021	35.000.000.000	2.941.569.263	(54.733.363.085)	(16.791.793.822)	
Tăng trong năm	-	-	-	-	
Giảm trong năm	-	-	(26.345.299.509)	(26.345.299.509)	
Lỗ trong năm nay	-	-	(26.345.299.509)	(26.345.299.509)	
Số dư tại ngày 31/12/2021	35.000.000.000	2.941.569.263	(81.078.662.594)	(43.137.093.331)	

b. Chi tiết vốn chủ sở

Đối tượng	Tại ngày 31/12/2021			Tại ngày 01/01/2021		
	Tỷ lệ	Số CP	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ	Số CP	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)
Tổng công ty IDICO - CTCP	81,94%	2.868.000	28.680.000.000	81,94%	2.868.000	28.680.000.000
Vốn góp của tổ chức, cá nhân khác	18,06%	632.000	6.320.000.000	18,06%	632.000	6.320.000.000
Tổng	100,00%	3.500.000	35.000.000.000	100,00%	3.500.000	35.000.000.000



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	35.000.000.000	35.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	35.000.000.000	35.000.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.500.000	3.500.000
Cổ phiếu phổ thông	3.500.000	3.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

e. Các quỹ doanh nghiệp

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	2.941.569.263	2.941.569.263
Tổng	2.941.569.263	2.941.569.263

2021/12/31

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
a) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.895.043.950	21.718.810.075
Doanh thu kinh doanh xăng dầu	3.621.904.460	6.621.438.625
Doanh thu kinh doanh vật tư	397.697.660	7.278.716.435
Doanh thu khác	875.441.830	7.818.655.015
b) Các khoản giảm trừ doanh thu	443.017.754	30.899.182
Giảm giá hàng bán	443.017.754	30.899.182
Doanh thu thuần (a) - (b)	4.452.026.196	21.687.910.893

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn kinh doanh xăng dầu	3.380.764.206	6.183.632.506
Giá vốn kinh doanh vật tư	86.128.809	6.917.434.682
Giá vốn khác	2.715.942.783	3.034.369.295
Tổng	6.182.835.798	16.135.436.483

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi	234.299	609.833
Tổng	234.299	609.833

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền vay	2.040.296.145	1.939.898.946
Tổng	2.040.296.145	1.939.898.946

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên	140.141.539	150.332.589
Chi phí khấu hao TSCĐ	46.485.778	52.342.490
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.445.595	68.843.292
Chi phí bằng tiền khác	737.500	9.161.760
Tổng	224.810.412	280.680.131

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.592.520.113	2.606.192.935
Chi phí vật liệu quản lý	-	6.695.338
Chi phí đồ dùng văn phòng	26.344.705	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	904.127.634	915.875.215
Thuế phí và lệ phí	3.674.132	14.021.200
Chi phí dự phòng	8.584.943.894	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.000.000	93.500.000
Chi phí bằng tiền khác	579.513.251	753.243.783
Tổng	12.736.123.729	4.389.528.471

6.7 Lợi nhuận khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu nhập khác		
Các khoản khác	3.396.685	-
Tổng	3.396.685	-
Chi phí khác		
Tài sản thiếu chờ xử lý (i)	5.497.655.801	-
Chi phí sửa chữa công trình hư hỏng (i)	2.041.849.924	-
Điều chỉnh công nợ	-	524.000.000
Hoàn nhập chi phí trích trước (i)	1.488.886.250	-
Các khoản khác	588.498.630	7.404.534
Tổng	9.616.890.605	531.404.534
Thu nhập khác thuần	(9.613.493.920)	(531.404.534)

(i) Năm 2021 Công ty thực hiện theo Biên bản họp xử lý kết quả kiểm kê số 01/BB-KK ngày 05/01/2022 của Hội đồng kiểm kê thống nhất xử lý vào chi phí khác.

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	(26.345.299.509)	(1.588.427.839)
<i>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:</i>	-	-
<i>Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:</i>	-	-
2. Thu nhập chịu thuế	(26.345.299.509)	(1.588.427.839)
<i>Các khoản lỗ được kết chuyển</i>	-	-
Thu nhập tính thuế	(26.345.299.509)	(1.588.427.839)
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	20%
Thuế TNDN hiện hành	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(26.345.299.509)	(1.588.427.839)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(26.345.299.509)	(1.588.427.839)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	3.500.000	3.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(7.527)	(454)

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.479.412.449	9.624.324.678
Chi phí nhân công	1.469.807.453	2.606.192.935
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.036.742.221	1.054.191.015
Chi phí dịch vụ mua ngoài	69.949.415	162.343.292
Chi phí khác bằng tiền	330.808.308	776.426.743
Tổng	5.386.719.846	14.223.478.663



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Danh sách các bên liên quan:

Stt	Bên liên quan	Mối quan hệ	Tên viết tắt
1	Tổng công ty IDICO - CTCP	Công ty mẹ	IDICO
2	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và phát triển vật liệu IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - MCI
3	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - UDICO
4	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Long An IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - LINCO
5	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - CONAC
6	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng số 10 IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - INCO 10
7	Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - INCON
8	Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và KCN IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - URBIZ
9	Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - SHP
10	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - IDI
11	Công ty TNHH MTV Xây dựng IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - ICC
12	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Quế Võ IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - QUE VO
13	Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng Thái Bình IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - TCC
14	Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng lắp máy IDICO	Đơn vị cùng IDICO	LAMA IDICO
15	Chi nhánh Tổng Công ty IDICO - CTCP tại Miền Đông	Chi nhánh thuộc IDICO	IDICO - IEB
16	Phan Văn Chung	Chủ tịch	
17	Trần Huy Hùng	Ủy viên	
18	Vũ Đình Thắng	Ủy viên	
19	Mai Quốc Chính	Ủy viên	
20	Mai Xuân Ngợi	Ủy viên	
21	Ông Nguyễn Đức Tiến	Trưởng ban	
22	Ông Trần Nguyễn Anh Đức	Thành viên	
23	Ông Bùi Đức Minh	Thành viên	
25	Trần Huy Hùng	Giám đốc	
26	Mai Xuân Ngợi	Kế toán trưởng	
26	Và các thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân là bên liên quan nêu trên		

7.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

a) Lương và các lợi ích khác của Ban Giám đốc và Quản lý khác

Bên liên quan	Chức danh	Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
Trần Huy Hùng	Giám đốc	353.781.817	326.872.762
Mai Xuân Ngợi	Thành viên HĐQT, KTT	235.235.867	223.425.603
Tổng		589.017.684	550.298.365

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

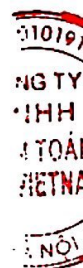
7.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

b. Giao dịch với bên liên quan

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giao dịch mua		2.708.625.022	2.937.032.638
IDICO - UDICO	Chi phí sử dụng điện	2.162.474.574	2.397.804.956
IDICO - URBIZ	Dịch vụ sử dụng nước, điện và phí xử lý nước thải Tiền thuê lại đất	84.352.637 461.797.811	74.756.742 464.470.940
Giao dịch bán		202.195.980	7.498.828.126
IDICO	Cung cấp vật tư	-	397.791.704
IDICO - UDICO	Bán xăng	202.195.980	220.111.691
IDICO - URBIZ	Cung cấp vật tư	-	6.880.924.731
Giao dịch khác		26.358.809.314	3.776.028.334
IDICO	Lãi vay	1.558.809.314	176.028.334
	Vay	24.800.000.000	3.600.000.000

c. Số dư phải thu và phải trả các bên liên quan

Bên liên quan	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.510.484.872	2.822.295.742
IDICO	670.954.247	2.344.343.719
IDICO - LINCO	60.000.000	60.000.000
IDICO - INCO 10	50.702.616	50.702.616
CUONG THUAN-IDICO	243.815.888	243.815.888
IDICO - IEB	485.012.121	123.433.519
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	553.352.796	553.352.796
IDICO - INCON	50.000.000	50.000.000
IDICO - URBIZ	503.352.796	503.352.796
Phải trả người bán ngắn hạn	3.809.928.414	3.101.736.849
IDICO - UDICO	2.805.916.928	2.598.081.983
LAMA IDICO	13.872.472	13.872.472
IDICO - URBIZ	990.139.014	489.782.394
Phải trả ngắn hạn khác	3.299.461.949	1.732.691.635
IDICO	3.299.461.949	1.732.691.635
Vay nợ ngắn hạn	24.800.000.000	3.600.000.000
IDICO	24.800.000.000	3.600.000.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
VÀ PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU IDICO**

Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiện,
Huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 09- DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập biểu



Chu Thị Thanh Nga

Kế toán trưởng



Mai Xuân Ngợi

Đồng Nai, ngày 30 tháng 3 năm 2022



Trần Huy Hùng

